

**TRƯỜNG MẦM NON
HOA MAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
Ngày 22 tháng 11 năm 2024**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Lê Thị Tuyết Mai** Ngày tháng năm sinh: 06/11/1982
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Hoa Mai..
- Nơi thường trú: số 890, khu 7, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số căn cước công dân ⁽³⁾: 074182012435 ngày cấp 10/5/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Trần Anh Hùng** Ngày tháng năm sinh: 21/9/1978
- Nghề nghiệp: Thợ máy –buôn bán phụ tùng xe
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Tại nhà
- Nơi thường trú: 62/417, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 023084612 ngày cấp 25/12/2010 nơi cấp Công an Thành phố Hồ Chí Minh

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Trần Lê Thuý Uyên** Ngày tháng năm sinh: 10/01/2003
- Nơi thường trú: số 890, khu 7, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 079 303047641 ngày cấp 10/5/2020 nơi cấp: Công an Bình Dương.

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: **Trần Lê Anh Thư** Ngày tháng năm sinh: 17/01/2006
- Nơi thường trú: số 890, khu 7, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 074306009268 ngày cấp 10/5/2020 nơi cấp Công an Bình Dương

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: số 890, đường Huỳnh Văn Luỹ, khu 7, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Diện tích⁽⁹⁾: 102,4 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 3.584.000.000 đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số CS12872 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/11/2018 cho ông Trần Anh Hào.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: không

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: đất ở tại đô thị. Địa chỉ: xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
- Diện tích: 154,2 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 350.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: QSD đất số DD959322
- Thông tin khác (nếu có): không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: số 890, đường Huỳnh Văn Luỹ, khu 7, Phường Phú Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- + Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ.
- + Diện tích xây dựng: 102,4 m²
- + Giá trị: 125.000.000đ
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Giấy phép xây dựng số: 163/GPXD của UBND thị xã Thủ Dầu Một, cấp ngày 13/9/2004, cho ông Trần Văn Hồng.
- + Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): không

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

.....

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

.....

- Diện tích:

.....

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

.....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

.....

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: 50.000.000 đồng (Sau mười triệu đồng)

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: không

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không

- Tên tài sản: xe ô tô Số đăng ký: 024279 Giá trị: 580.000.000 triệu đồng

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾:

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 268.935.511 đồng (đồng (lương 19.318,403 (12 tháng (231.820.836) + 6000.000 tiệm+ 31,114,675 tang gio)

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 144.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không

- Tổng các khoản thu nhập chung: 412.935.511 đồng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): không tăng

Loại tài sản, thu nhập	Tăng⁽³⁰⁾/giảm⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các	+	350.000.000	Mua từ tiền mặt tích lũy, vay ngân hàng.
	-	300.000.000	Giảm do dùng tiền mặt mua đất

loại tài sản khác).		Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp:	
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .	+ 412.935.511	412.935.511	

Phủ Mỹ, ngày 29 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Tổ Trưởng Tổ VP.

Trần Thị Huyền

Phủ Mỹ, ngày 22 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Tuyết Mai